

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG RIỀNG
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2017/KDTM-ST
Ngày: 17 - 8 - 2017
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Cẩm Tú.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trịnh Hoàng Giang.

2. Bà Nguyễn Hồng Cúc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Phước Đức - Thư ký Toà án nhân dân huyện Giồng Riềng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 17 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Giồng Riềng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 03/2017/TLST - KDTM, ngày 12 tháng 6 năm 2017 về tranh chấp “*Hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 78/2017/QĐXXST-KDTM, ngày 13 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần B.

Địa chỉ trụ sở chính: Số 412, N, phường 5, quận 3, thành phố H.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:

1.1. Ông Ngô Quang Tr là người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn (Tổng Giám đốc Ngân hàng thương mại cổ phần B).

1.2. Ông Nguyễn Hữu Đ; là người được ủy quyền của Ngân hàng thương mại cổ phần B (Giám đốc ngân hàng thương mại cổ phần B – Chi nhánh C); theo Giấy ủy quyền số 03/2017/UQ-XLN ngày 11/01/2017 của Ngân hàng thương mại cổ phần B.

1.3. Ông Huỳnh Minh P; trú tại: Số 116/58 đường C, phường B, quận B, thành phố C là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Phó giám đốc ngân hàng thương mại cổ phần B – Chi nhánh C); đại diện theo Giấy ủy quyền số

01/2017/UQ-VCCBCT ngày 13/01/2017 của Ngân hàng thương mại cổ phần B; có mặt tại phiên tòa.

Địa chỉ Ngân hàng thương mại cổ phần B Chi nhánh C: số 135 H-135 Y, đường T, phường A, quận N, thành phố C.

2. Bị đơn:

2.1. Ông Bùi Thanh T, sinh năm:1973, vắng mặt tại phiên tòa.

2.2. Bà Lê Thị Ngọc G, sinh năm:1974; vắng mặt tại phiên tòa.

Cùng địa chỉ: Số 17/B ấp T, xã T, huyện G, tỉnh K. (Ông Bùi Thanh T có đăng ký hộ kinh doanh).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 06/6/2017 người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng thương mại cổ phần B (VCCB) là ông Nguyễn Hữu Đ – Giám đốc Ngân hàng thương mại cổ phần B Chi nhánh C trình bày:

Ngày 21/8/2015 Ngân hàng thương mại cổ phần (TMCP) B Chi nhánh C và vợ chồng ông Bùi Thanh T và bà Lê Thị Ngọc G đã ký kết Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng dùng chung số 058/00616/03.HĐCHMTDDC. Ngày 24/8/2016 VCCB và ông T, bà G đã ký kết Hợp đồng tín dụng từng lần ngắn hạn số 0268/058/00616/03.HĐTDTLNLH. Theo Giấy nhận nợ số 01/0268/058/00616/03.HĐTDTLNLH ngày 24/8/2016 vợ chồng ông T, bà G đã vay VCCB số tiền là 730.000.000 đồng. Mục đích vay: Bổ sung kinh doanh tạp hóa; lãi suất: 7,5%/ năm trong 5 tháng đầu tiên, lãi suất từ tháng thứ 6 trở đi được tính bằng lãi suất gửi tiết kiệm kì hạn 13 tháng lĩnh lãi cuối kì + biên độ 3,5%/năm; phí trả trước hạn: 3% trên số tiền trả trước nếu trả nợ trước hạn dưới 2/3 thời gian; lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn; thời hạn vay: 12 tháng từ ngày 24/8/2016 đến 24/8/2017; phương thức trả nợ vay: Trả lãi vào ngày 25 định kỳ 01 tháng/ lần, trả nợ gốc vào cuối kỳ vào ngày 24/8/2017.

Để đảm bảo nợ vay ông T, bà G và VCCB đã ký kết Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0331/00615/01A.HĐTCQSĐĐ ngày 21/8/2015. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng diện tích đất 12.585m², thuộc thửa đất số 256, tờ bản đồ số 5 tọa lạc tại ấp Đ, xã Đ, huyện T, thành phố C đã được Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX 794991, số vào sổ cấp GCN CH02121 ngày 20/8/2015 do ông Bùi Thanh T đứng tên.

Quá trình thực hiện hợp đồng ông T, bà G đã vi phạm thỏa thuận về thanh toán vốn vay và lãi cho VCCB theo Điều 9 của Hợp đồng tín dụng từng lần ngắn hạn số 0268/058/00616/03.HĐTDTLNLH ngày 24/8/2016 nên VCCB khởi kiện yêu cầu ông T, bà G phải thanh toán nợ trước hạn.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của VCCB là ông Huỳnh Minh P yêu cầu vợ chồng ông T, bà G phải thanh toán cho ngân hàng số tiền vay vốn gốc và lãi tính đến ngày 17/8/2017 là 789.789.028 đồng, trong đó: Vốn gốc là 730.000.000 đồng, lãi trong hạn là 59.789.028 đồng. Ngoài ra, yêu cầu ông T, bà G phải tiếp tục trả lãi phát sinh từ ngày 18/8/2017 cho đến khi thanh toán dứt nợ theo thỏa thuận của hợp đồng tín dụng.

Trường hợp ông T, bà G không trả được nợ cho VCCB thì yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để Ngân hàng thu hồi nợ.

Ông T, bà G đã được tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án nhưng vẫn không gửi văn bản nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án đã triệu tập ông T, bà G đến tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải đến lần thứ hai và triệu tập đến tham dự phiên tòa đến lần thứ hai nhưng ông T, bà G vẫn vắng mặt, không rõ lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:*

Ngân hàng thương mại cổ phần B khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông Bùi Thanh T và bà Lê Thị Ngọc G phải thanh toán nợ theo các hợp đồng tín dụng đã ký kết; ông T có đăng ký hộ kinh doanh và mục đích vay tiền để bổ sung vốn kinh doanh nên quan hệ tranh chấp của vụ án là tranh chấp “Hợp đồng tín dụng” theo quy định tại khoản 5 Điều 30 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Bị đơn là ông T, bà G có địa chỉ nơi cư trú tại ấp T, xã T, huyện G, tỉnh K nên căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Ông T, bà G đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Xét thấy, sự vắng mặt của ông, bà không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ông, bà và không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt ông T, bà G là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[2] Xét thấy, ngày 21/8/2015 giữa vợ chồng ông T, bà G đã ký kết với VCCB Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng dùng chung số 058/00615/01.HĐCHMTĐC. Đến

ngày 24/8/2016, VCCB và ông T, bà G đã ký kết Hợp đồng tín dụng từng lần ngắn hạn số 0268/058/00616/03.HĐTDTLNLH. Để bảo đảm nợ vay, ông T, bà G đã ký kết với VCCB hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất có chứng thực của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền. Từ những vấn đề nêu trên cho thấy hợp đồng tín dụng mà các đương sự đã ký kết là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 471 của Bộ luật Dân sự 2005. Do đó, các bên phải có nghĩa vụ thực hiện đúng hợp đồng đã ký kết.

Xét Hợp đồng tín dụng từng lần ngắn hạn số 0268/058/00616/03.HĐTDTLNLH ngày 24/8/2016: Thời hạn vay theo thỏa thuận là 12 tháng kể từ ngày 24/8/2016 đến ngày 24/8/2017, tính đến ngày khởi kiện là chưa hết thời hạn thực hiện hợp đồng. Tuy nhiên, ông T, bà G đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi theo kỳ hạn trả nợ đã cam kết. Căn cứ theo quy định tại khoản 4 Điều 9 Hợp đồng tín dụng từng lần ngắn hạn số 0268/058/00616/03.HĐTDTLNLH thì: *“Sau khi nhận được thông báo thu hồi nợ trước hạn của VCCB mà Bên được cấp tín dụng không thanh toán đầy đủ nợ (bao gồm nợ gốc, lãi và phí có liên quan), VCCB có quyền (nhưng không có nghĩa vụ) áp dụng các biện pháp xử lý theo quy định tại Hợp đồng này và theo quy định pháp luật để thu hồi nợ”*.

VCCB đã có thông báo về việc thu hồi nợ trước hạn nhưng ông T, bà G vẫn không thanh toán nợ và cũng không gửi đề nghị cơ cấu lại thời hạn trả nợ cho VCCB. Do đó, VCCB khởi kiện yêu cầu ông T, bà G thanh toán toàn bộ nợ gốc và lãi trước hạn là phù hợp với khoản 5 Điều 9 Hợp đồng tín dụng từng lần ngắn hạn số 0268/058/00616/03.HĐTDTLNLH mà các bên đã ký kết.

Hội đồng xét xử(HĐXX) chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của VCCB, buộc ông T, bà G phải thanh toán cho VCCB số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 17/8/2017 tổng cộng 789.789.028 đồng, làm tròn là 789.789.000 đồng); trong đó: Vốn gốc là 730.000.000 đồng, lãi trong hạn là 59.789.028 đồng.

Ông T, bà G phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh cho VCCB tính từ ngày 18/8/2017 cho đến khi thi hành án xong theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng.

[3] Xét Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất:

Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0331/00615/01A.HĐTCQSDĐ ngày 21/8/2015 đã được công chứng tại Phòng Công chứng số 1 thành phố Cần Thơ và đăng ký giao dịch bảo đảm tại Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T, thành phố C vào ngày 21/8/2015 là đã đảm bảo về hình thức của hợp đồng theo quy định tại Điều 343 của Bộ luật Dân sự 2005.

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các diện tích đất đã thế chấp thuộc quyền sử dụng của vợ chồng ông Tú nên việc ông, bà sử dụng để thế chấp vay vốn của VCCB là phù hợp với quy định tại Điều 342, Điều 343, Điều 715 của Bộ luật Dân sự 2005. Do đó, hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất giữa VCCB và ông T, bà G là hợp pháp nên làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của các bên thế chấp.

Tại Điều 721 Bộ luật Dân sự 2005 về xử lý quyền sử dụng đất đã thế chấp quy định: *“Khi đã đến hạn thực hiện nghĩa vụ được bảo đảm bằng thế chấp quyền sử dụng đất mà bên thế chấp không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ thì quyền sử dụng đất đã thế chấp được xử lý theo thỏa thuận; nếu không có thỏa thuận hoặc không xử lý được theo thỏa thuận thì bên nhận thế chấp có quyền khởi kiện tại Tòa án.”*

VCCB khởi kiện yêu cầu xử lý tài sản thế chấp khi ông T, bà G không trả được nợ là phù hợp với quy định tại Điều 721 Bộ luật Dân sự 2005 và các điều khoản theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất mà các bên đã ký kết nên được HĐXX chấp nhận.

[4] Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Yêu cầu của VCCB được Tòa án chấp nhận nên VCCB không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn trả cho VCCB số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 18.696.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0007967 ngày 12/6/2017 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Ông T, bà G phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm giá ngạch là: 20.000.000 đồng + (789.789.000 đồng – 400.000.000 đồng) x 4% = 35.591.560 đồng, làm tròn là 35.591.000 đồng (ba mươi lăm triệu năm trăm chín mươi một nghìn đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 5 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 269 và Điều 271 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Điều 342, Điều 343, Điều 471, Điều 474, Điều 715 và Điều 721 của Bộ luật Dân sự 2005;

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần B đối với ông Bùi Thanh T và bà Lê Thị Ngọc G.

Buộc ông T, bà G phải thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần B (Ngân hàng thương mại cổ phần B Chi nhánh C) số tiền của gốc là 730.000.000 đồng (bảy trăm ba mươi triệu đồng) và lãi tính đến ngày 17/8/2017 lãi trong hạn là 59.789.028 đồng (năm mươi chín triệu bảy trăm tám mươi chín nghìn không trăm hai mươi tám đồng); tổng cộng vốn và lãi là 789.789.028 đồng, làm tròn là 789.789.000 đồng (bảy trăm tám mươi chín triệu bảy trăm tám mươi chín nghìn đồng).

Ông T, bà G phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh cho VCCB tính từ ngày 18/8/2017 cho đến khi thi hành án xong theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng.

Đến hạn thanh toán nợ nếu ông T, bà G không thanh toán đủ các khoản tiền nói trên thì VCCB có quyền yêu cầu Chi Cục thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật để đảm bảo thi hành án. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng diện tích đất 12.585m², thuộc thửa đất số 256, tờ bản đồ số 5 tọa lạc tại ấp Đ, xã Đ, huyện T, thành phố C đã được Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX 794991, sổ vào sổ cấp GCN CH02121 ngày 20/8/2015 do ông Bùi Thanh T đứng tên.

2. Án phí:

Yêu cầu của VCCB được Tòa án chấp nhận nên VCCB không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn trả cho VCCB số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 18.696.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0007967 ngày 12/6/2017 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Ông T, bà G phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm giá ngạch là: 20.000.000 đồng + (789.789.000 đồng – 400.000.000 đồng) x 4% = 35.591.560 đồng, làm tròn là 35.591.000 đồng (ba mươi lăm triệu năm trăm chín mươi một nghìn đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 của Luật thi

hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Cơ quan Thi hành án huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Cẩm Tú